

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HC-ST

Ngày 14/9/2017

*“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim và bà Ngô Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng-Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2017/TLST-HC ngày 19 tháng 4 năm 2017 về việc *“Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2017/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2017/QĐST-HC ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Tổ 4, phường X, thành phố Y, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Xuân D. Địa chỉ: Tổ 33, phường U, thành phố Y, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố Y

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Y

Địa chỉ: Số 591, đường G, phường K, thành phố Y, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Ngọc L-Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Y(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2017). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Thanh Q

Địa chỉ: Tổ 4, phường X, thành phố Y, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Xóm A, xã V, huyện E, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bố mẹ chồng bà T là ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã B (Nay là UBND thành phố Y) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số L 373664, vào sổ số 00380/QSDĐ/NN-XT.QĐ-H98 ngày 24/10/1998 gồm có 48 thửa đất, địa chỉ tại phường X, thành phố Y, tỉnh Lào Cai. Trong đó có thửa số 54, tờ bản đồ 05, có diện tích 7.090 m² đất màu đồi. Sau khi bố mẹ chồng bà chết, gia đình bà đã làm Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản lập tại Văn phòng Công chứng số 3, tỉnh Lào Cai ngày 09/11/2012 theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 20/12/2013 UBND thành phố Y ban hành quyết định số 3802/QĐ-UB về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trường đại học FANSIPAN (Đại học Lào Cai). Xong trong quyết định thu hồi trên lại không có diện tích 7.090 m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ 05 của gia đình bà mà diện tích đất trên lại được thu hồi và bồi thường nhằm cho gia đình bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C tại Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C đối với phần diện tích 7.090m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 05, nên đã gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Bà T đã làm đơn khiếu nại, đến ngày 23/11/2016 UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 2420/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ số 00380/QSDĐ/LN-XTQĐ-H98 do UBND thị xã B cấp ngày 24/10/1998 cho hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H. Ngày 25/11/2016 Chủ tịch UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 5690/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy toàn bộ Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND thành phố Y về việc thu hồi GCNQSDĐ số 00380/QSDĐ/LN-XTQĐ-H98 do UBND thị xã B cấp ngày 24/10/1998 cho hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H; Hủy toàn bộ quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T; Hủy toàn bộ Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N và

ông Lưu Văn C đối với phần diện tích 7.090m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 05; Buộc UBND thành phố Y thực hiện hành vi hành chính ra Quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị T về diện tích đất 7.090 m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 05; Ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường cho bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/8/2017 bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND thành phố Y về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H; Hủy Quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T; Hủy một phần Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C đối với phần diện tích 7.090m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 05.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Đối với Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND thành phố Y về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H.

Ngày 24/10/1998 UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ vào sổ số 00380/QSDĐ, mang tên hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H, trong đó có thửa đất số 54, tờ bản đồ số 05, diện tích 7.090 m² đất màu đồi.

Ngày 09/11/2012 những người thừa kế của ông M và bà H lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản. Theo văn bản trên thì ông Q và bà T được tặng cho thửa đất số 54, diện tích 7.090m².

Ngày 28/02/2013 UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 497/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 xây dựng trường Đại học FANSIPAN.

Ngày 20/12/2013 UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 3802/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trương Thanh Q - Nguyễn Thị T.

Ngày 25/12/2013 UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 4749/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ công trình trường Đại học FANSIPAN.

Trong quá trình thực hiện việc thống kê, đền bù thì phát hiện thửa đất số 54, diện tích 7090 m² đất trồng rừng cũng được UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ số 00676, vào sổ năm 2000 cho hộ ông Lưu Văn C. Như vậy là thửa đất trên đã được cấp GCNQSDĐ cho 02 hộ gia đình là hộ ông Trương Văn M và hộ ông Lưu Văn C.

Ngày 11/12/2013 đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất; đại diện phòng TN&MT và đại diện UBND phường X tiến hành giải quyết đất chồng chéo giữa hai hộ gia đình là ông Trương Văn M (Người được thừa kế là Trương Thanh Q – Nguyễn Thị T) và hộ ông Lưu Văn C (Người được ủy quyền là bà Nguyễn Thị

H2) tại thửa đất số 54, tờ bản đồ 05, diện tích 7090 m². Sau khi bàn bạc giữa 02 hộ đã đi đến thống nhất là xác minh cụ thể ngoài thực địa. Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2014 có kết quả như sau: Thửa đất số 54, diện tích 7.090 m² nằm phía trước mặt nhà bà Nguyễn Thị H2 hiện nay do hộ bà Nguyễn Thị H2 (con dâu ông C) quản lý và sử dụng. Trên đất đang trồng các loại cây như mỡ, trầu, quế (Phần cây này đã được thống kê cho hộ ông C). Phần diện tích đất nhà bà T nằm giáp ranh thửa đất nhà bà N trồng cây và đã được thống kê thu hồi đất tại Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 20/12/2013, giữa 2 thửa đất có lòng khe để làm ranh giới. Gia đình bà T không có cây cối trên thửa đất số 54, tờ bản đồ số 05. Như vậy, căn cứ vào hồ sơ tài liệu có liên quan và kiểm tra tại thực địa thì thửa đất số 54, tờ bản đồ số 05 thực tế là do hộ ông Lưu Văn C quản lý và sử dụng ổn định (trên đất có cây trồng đã được thống kê). Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trương Văn M đối với thửa đất này là chưa chính xác (hộ ông M thực tế không quản lý và sử dụng thửa đất này).

Ngày 02/10/2015 Chủ tịch UBND thành phố Y đã ban hành quyết định số 3502/QĐ-UBND về việc thanh tra đột xuất việc cấp GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H. Ngày 14/10/2015 Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Kết luận thanh tra số 755/KL-CT.UBND về việc thanh tra đột xuất việc cấp GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H với nội dung thửa đất số 54, tờ bản đồ số 05 thực tế do hộ ông Lưu Văn C quản lý và sử dụng ổn định. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trương Văn M đối với thửa đất này là chưa chính xác vì hộ ông M thực tế không quản lý sử dụng thửa đất này. Việc UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trương Văn M là chưa chính xác.

Ngày 23/11/2016 UBND thành phố Y đã ban hành quyết định số 2420/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ số 00380/QSDĐ/LN-XTQĐ-H98 do UBND thị xã B cấp ngày 24/10/1998 cho hộ ông Trương Văn M là đúng quy định.

Đối với Quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

Ngày 17/4/2014 bà T có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố Y với nội dung khiếu nại Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 về việc thu hồi đất của ông Trương Thanh Q-Nguyễn Thị T. Bà T cho rằng UBND thành phố còn thu hồi thiếu của gia đình bà 7.090 m² đất màu đồi. Bà đề nghị UBND thành phố ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích 7.090 m² cho ông Trương Thanh Q và bà Nguyễn Thị T và bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND thành phố Y giao cho Thanh tra thành phố tham mưu giải quyết. Ngày 28/4/2014 Thanh tra thành phố đã mời bà T lên làm việc. Ngày 09/5/2014 UBND thành phố Y ban hành quyết định xác minh giải quyết khiếu

nại. Ngày 23/7/2014 UBND thành phố Y tổ chức buổi đối thoại giải quyết khiếu nại của bà T (*Tại buổi đối thoại bà T không đến đối thoại và không thông báo lý do vắng mặt*). Ngày 23/7/2014 đoàn xác minh có báo cáo số 103 về kết quả thẩm tra xác minh khiếu nại của bà T. Ngày 31/7/2014 Chủ tịch UBND thành phố Y ban hành quyết định số 2947/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

Sau khi xem xét Quyết định số 2947/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, Chủ tịch UBND thành phố Y nhận thấy thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quá thời hạn giải quyết theo quy định tại điều 28 Luật khiếu nại. Ngày 26/9/2016 Chủ tịch UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 3615/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và giao cho Thanh tra thành phố tham mưu giải quyết khiếu nại theo quy định.

Căn cứ vào bản án số 03/2016 ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Y nên ngày 20/10/2016 Thanh tra thành phố mời bà T lên làm việc. Ngày 25/10/2016 đề xuất giải quyết khiếu nại. Ngày 26/10/2016 ban hành Quyết định xác minh nội dung khiếu nại của bà T. Ngày 10/11/2016 Đoàn xác minh có báo cáo số 140 v/v thẩm tra xác minh. Ngày 25/11/2016 tổ chức đối thoại. Ngày 25/11/2016 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 5690/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của bà T. Việc Chủ tịch UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các nội dung giải quyết khiếu nại được thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 của UBND thành phố Y về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C.

Ngày 24/10/1998, UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ vào sổ số 00380/QSDĐ mang tên hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H trong đó có thửa đất số 54, tờ bản đồ số 05, diện tích 7.090 m² đất màu đồi. Mặc dù trên GCNQSDĐ của hộ ông M có thửa đất số 54 nhưng thực tế hộ ông M không phải là chủ sử dụng, không canh tác trên thửa đất này.

Năm 2000 UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ số 00676 cho hộ ông Lưu Văn C đối thửa đất số 54, tờ bản đồ số 05, diện tích 7.090 m² đất trồng rừng. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông C là chưa đúng quy định về mặt thủ tục hành chính vì các hồ sơ liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ đều do ông Lưu Văn T2 (con ông C) ký. Trong quá trình thực hiện các cơ quan, đơn vị có liên quan không kiểm tra nên để xảy ra sự việc một thửa đất cấp cho 02 hộ gia đình. Sau khi phát hiện diện tích đất chồng chéo giữa 02 gia đình, đại diện Thanh tra thành phố phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất, phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND phường X đã tiến hành kiểm tra tại thực địa. Kết quả cho thấy thửa đất

số 54, diện tích 7.090 m² nằm phía trước mặt nhà bà Nguyễn Thị H2 hiện nay do hộ bà Nguyễn Thị H2 (con dâu ông C) quản lý và sử dụng. Mặc dù hộ ông Trương Văn M được cấp GCNQSDĐ nhưng thực tế không quản lý, sử dụng nên UBND thành phố không có cơ sở để ban hành quyết định thu hồi đất cho hộ ông M đối với thửa đất này. Căn cứ vào thực tế sử dụng đất hiện do hộ ông Lưu Văn C quản lý và sử dụng ổn định (trên đất có cây cối do gia đình trồng) nên UBND thành phố ban hành quyết định thu hồi đất số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 cho hộ bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh Q trình bày:

Gia đình ông Q và bà T đang trực tiếp quản lý sở hữu sử dụng hợp pháp diện tích đất 7.090 m² tại thửa số 54, tờ bản đồ số 05. Địa chỉ thửa đất: Phường X, thành phố Y, tỉnh Lào Cai. Do nhận thừa kế lại của bố mẹ ông Q theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản lập tại Văn phòng Công chứng số 3, tỉnh Lào Cai ngày 09/11/2012 theo GCNQSDĐ số: L 373664 do UBND thị xã B cấp ngày 24/10/1998 gồm có 48 thửa, trong đó có thửa số 54, tờ bản đồ số 05 có diện tích 7.090 m².

Diện tích trên thuộc vào dự án nhà nước thu hồi để xây dựng công trình trường đại học FANSIPAN. UBND thành phố Y đã không thu hồi và bồi thường diện tích 7.090 m² cho gia đình ông Q và bà T mà lại thu hồi và bồi thường nhầm cho nhà bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C nên đã gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản cho gia đình ông Q bà T được pháp luật tôn trọng và bảo vệ trong quá trình nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Vì vậy, ông Q đồng ý với việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND thành phố Y về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H; Hủy toàn bộ Quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T; Hủy bỏ một phần Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C đối với phần diện tích 7.090m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 05.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã tiến hành đối thoại để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND thành phố Y về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H; Quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu Hủy bỏ một phần Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C đối với phần diện tích 7.090m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 05. Đây đều là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 30, 32 Luật tổ tụng hành chính và được khởi kiện trong thời hiệu luật định.

[1] Đối với Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND thành phố Y về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H:

Xét tính hợp pháp của quyết định:

Về thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ: Căn cứ vào quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2013 thì UBND thành phố Y ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ: Ngày 02/10/2015 Chủ tịch UBND thành phố Y ban hành quyết định số 3502/QĐ-UBND về việc thanh tra đột xuất việc cấp GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H, địa chỉ: tổ 3, phường X, thành phố Y. Ngày 09/10/2016 Đoàn thanh tra đã có báo cáo số 104/BC-ĐTTr báo cáo kết quả thanh tra. Ngày 14/10/2015 ban hành Kết luận thanh tra số 755/KL-CT.UBND kết luận GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Trương Văn M là chưa chính xác. Ngày 23/11/2016 UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H. Như vậy, trình tự thủ tục thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Về nội dung quyết định:

UBND thành phố Y trong quá trình triển khai thực hiện dự án Trường Đại học Fansipan, khi thực hiện việc thu hồi đất, thống kê, bồi thường phát hiện diện tích đất chồng chéo nhau, trên cùng một diện tích đất nhưng lại được cấp 2 GCNQSDĐ cho 2 hộ gia đình khác nhau. Cụ thể ngày 24/10/1998, UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 00380/QSDĐ mang tên hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H trong đó có thửa đất số 54, tờ bản đồ số 05, diện tích 7.090 m² đất màu đồi. Năm 2000 UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ số 00676 cho hộ ông Lưu Văn C đối thửa đất số 54, diện tích 7.090 m² đất trồng rừng. Như vậy thửa đất số 54, tờ bản đồ 05, diện tích 7090m² đã được cấp GCNQSDĐ cho 02 hộ gia đình là hộ ông Trương Văn M và hộ ông Lưu Văn C. GCNQSDĐ của ông Lưu Văn C không ghi ngày, tháng, năm cấp.

Lẽ ra tại thời điểm phát hiện diện tích đất được cấp chồng chéo trên thì UBND thành phố Y cần phải xác định xem việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình nào là đúng quy định của pháp luật. Nếu GCNQSDĐ nào cấp sai quy định thì tiến hành việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 106 Luật Đất đai 2013; khoản 4 điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Sau khi hoàn thành việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp sai thì UBND thành phố mới ban hành quyết định thu hồi đất và thống kê, bồi thường cho hộ gia đình đã được cấp GCNQSDĐ đúng theo quy định của pháp luật. Xong UBND thành phố Y sau khi phát hiện diện tích đất được cấp chồng chéo cho 02 hộ gia đình vẫn để tồn tại 02 GCNQSDĐ song song và ban hành quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C. Sau khi hoàn thành việc thống kê bồi thường cho hộ ông Lưu Văn C mãi đến ngày 23/11/2016 UBND thành phố Y mới ban hành quyết định số 2420/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H là không đúng theo quy định của pháp luật.

Mặt khác khi phát hiện thửa đất số 54, tờ bản đồ 05, diện tích 7090 m² được UBND thị xã B cấp GCNQSDĐ cho 2 hộ gia đình là hộ ông Trương Văn M và hộ ông Lưu Văn C, các cơ quan chuyên môn của UBND thành phố Y đã tiến hành xác minh kiểm tra thực địa, căn cứ vào hồ sơ tài liệu có liên quan và kiểm tra tại thực địa kết luận thửa đất số 54, tờ bản đồ số 05, thực tế là do hộ ông Lưu Văn C quản lý và sử dụng ổn định. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trương Văn M đối với thửa đất này là chưa chính xác (hộ ông M thực tế không quản lý và sử dụng thửa đất này). Như vậy GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Lưu Văn C là đúng quy định còn GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Trương Văn M là sai quy định. Sau đó tiến hành thủ tục thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H, thể hiện ở các biên bản làm việc ngày 14/01/2014; 26/6/2014. Xong tại các biên bản trên đại diện chính quyền địa phương là UBND phường X đều do ông Lưu Văn T2, chức vụ Chủ tịch UBND phường X tham gia là hoàn

toàn không khách quan, vì ông Lưu Văn C người được cấp GCNQSDĐ là bố đẻ của ông Lưu Văn T2. Ngoài ra trong biên bản làm việc ngày 14/01/2014 và biên bản xác minh ngày 06/5/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Y và Thanh tra thành phố Y bà T cũng ghi rõ nội dung là không đồng ý với biên bản trên, xong UBND thành phố Y vẫn căn cứ vào các biên bản đó để ban hành Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND thành phố Y chưa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Xét thấy người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND thành phố Y về việc thu hồi GCNQSDĐ của hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

Xét tính hợp pháp của quyết định:

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011 thì quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 được Chủ tịch UBND thành phố Y ban hành là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Ngày 17/4/2014 bà T có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố Y với nội dung khiếu nại Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 về việc thu hồi đất của ông Trương Thanh Q-Nguyễn Thị T. Bà T cho rằng UBND thành phố còn thu hồi thiếu của gia đình bà 7.090 m² đất màu đồi. Bà đề nghị UBND thành phố ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích 7090 m² cho ông Trương Thanh Q và bà Nguyễn Thị T và bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2014 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2947/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T. Ngày 19/6/2015 bà T làm đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân thành phố Y, yêu cầu hủy Quyết định số 2947/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Y. Sau khi bà T khởi kiện, Chủ tịch UBND thành phố Y xác định thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quá thời hạn giải quyết theo quy định tại điều 28 Luật khiếu nại. Ngày 26/9/2016 Chủ tịch UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 3615/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Lý do thu hồi: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quá thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại điều 28 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13. Nhưng bà T không đồng ý và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016 ngày 28/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Y đã xét xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc

yêu cầu hủy Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Y. Không đồng ý với bản án nêu trên, bà T đã làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án trên lên Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Thanh tra thành phố Y căn cứ vào bản án chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án đề xuất giải quyết khiếu nại vào ngày 25/10/2016. Ngày 26/10/2016 ban hành Quyết định xác minh nội dung khiếu nại của bà T. Ngày 10/11/2016 đoàn xác minh có báo cáo số 140/BC-ĐXM về việc thẩm tra xác minh đơn khiếu nại. Ngày 25/11/2016 tổ chức đối thoại. Ngày 25/11/2016 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 5690/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T. Đến ngày 19/12/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mới ban hành Quyết định hủy bản án sơ thẩm số 03/2016 ngày 28/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Y và đình chỉ giải quyết vụ án. Như vậy vụ án đang được xem xét, giải quyết tại Tòa án thì Chủ tịch UBND lại ban hành Quyết định về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T là vi phạm khoản 9 điều 11 Luật khiếu nại. Hơn nữa ngày 26/9/2016 Chủ tịch UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 3615/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Lý do thu hồi: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quá thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại điều 28 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13. Xong đến ngày 25/11/2016 lại ban hành quyết định giải quyết khiếu nại thì lại càng quá thời hạn. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C đối với phần diện tích 7.090m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 05.

Như đã phân tích ở phần [1] UBND thành phố ban hành quyết định thu hồi đất số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 cho hộ bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ 05, diện tích 7090 m² trong khi còn tồn tại 02 GCNQSDĐ song song là GCNQSDĐ số 00380/QSDĐ/LN-XTQĐ-H98 do UBND thị xã B cấp ngày 24/10/1998 cho hộ ông Trương Văn M và GCNQSDĐ số 00676 cấp cho hộ ông Lưu Văn C là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ của hộ ông Lưu Văn C đều do con trai ông C là ông Lưu Văn T2 ký, GCNQSDĐ của ông C không có ngày tháng năm cấp và tại thời điểm làm đơn xin cấp GCNQSDĐ và cấp GCNQSDĐ không xác định được ông C còn sống hay đã chết. UBND thành phố Y không cung cấp được Giấy chứng tử hoặc các giấy tờ chứng minh thời gian chết của ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã tiến hành xác minh thời điểm chết của ông C nhưng không xác định được, vì qua kiểm tra sổ đăng ký khai tử từ năm 1996 đến năm 2014 thì không có ai tên là Lưu Văn C. Đến ngày 01/10/2014 con trai ông C là ông Lưu Văn T2 (Chủ

tịch UBND phường X) mới làm thủ tục khai tử và khai ông C chết vào ngày 30/4/2001 là không có cơ sở. Về phía bà T cung cấp chứng cứ là biên bản làm việc ngày 19/12/2014 giữa đại diện UBND xã V, huyện E, thành phố Hà Nội và anh Lưu Văn L2 là con đẻ của ông Lưu Văn C. Nội dung anh L2 xác nhận: “*Bố đẻ anh là ông Lưu Văn C, tên gọi khác là P. Bố anh mất ngày 8/4/2000 âm lịch*”. Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Y thì thời điểm cấp GCNQSDĐ cho ông Lưu Văn C là vào ngày 4/12/2000. Như vậy chứng cứ do bà T cung cấp là có căn cứ, khẳng định thời điểm ông C chết trước thời điểm được cấp GCNQSDĐ. Mặt khác toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lưu Văn C đều do ông Lưu Văn T2 ký vào đơn xin giao đất và đồng thời ký với tư cách là tổ trưởng tổ dân phố là không đúng quy định.

Từ phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy một phần Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C đối với phần diện tích 7.090m² đất tại thửa số 54, tờ bản đồ số 05 là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về án phí: Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Hủy Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố Y.

- Hủy Quyết định số 5690/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: Tổ 04, phường X, thành phố Y của Chủ tịch UBND thành phố Y.

- Hủy một phần Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trường Đại học FANSIPAN (đại học Lào Cai) của UBND thành phố Y đối với phần diện tích đất rừng 7.090m² tại thửa số 54, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ tổ 4, phường X, thành phố Y.

2. Về án phí: UBND thành phố Y, Chủ tịch UBND thành phố Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho người khởi kiện 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000122

ngày 18/4/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (Do bà Nguyễn Thị D2 nộp thay).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao (1);
- VKSND tỉnh (2);
- Các đương sự;
- Cục THADS (1);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Khánh Vân